



TÍNH CHÍNH DANH, NHẤT QUÁN VÀ VIỆC QUẢN LÝ HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI

Nguồn: Bernard M. Hoekman & Michel M. Kostecki, "Legitimacy, Coherence and Governance" (Ch. 14) , in B.M. Hoekman & M.M. Kostecki, *The Political Economy of World Trading System: From GATT to WTO* (3rd edition), (London: Oxford University Press, 2010), pp. 638-663.

Biên dịch và Hiệu đính: Bế Minh Nhật

Chính sách thương mại trong một xã hội đa nguyên được xây dựng thông qua một quá trình ra quyết định phức tạp liên quan đến chính phủ, các đảng phái chính trị, các nhóm lợi ích kinh doanh, các nghiệp đoàn, các tổ chức tiêu dùng và các thành viên khác trong xã hội dân sự. Trong một thế giới đang thay đổi, các quy định và thủ tục ảnh hưởng đến thương mại đều nhanh chóng trở nên lỗi thời. Các tiến bộ kỹ thuật và các nhu cầu kinh doanh mới nảy sinh, làm thay đổi động cơ vận động hành lang liên quan đến chính sách thương mại, và làm thay đổi yêu cầu về điều tiết và các thủ tục hành chính liên quan. Các quy định về thương mại vì vậy cũng đứng trước những áp lực liên tục về việc thay đổi. Áp lực này xảy ra hầu hết ở cấp độ quốc gia, nhưng cũng được phản ánh ở cấp độ WTO. Các đoàn đại biểu và ban thư ký cũng có thể được vận động bởi các nhóm lợi ích, và gián tiếp chịu ảnh hưởng thông qua các nghiên cứu hay các cuộc biểu tình trên đường phố.

Khả năng đàm phán và nguồn lực là khác nhau rất nhiều giữa các quốc gia, và giữa các nhóm trong cùng một quốc gia. Chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách thương mại, các nhóm lợi ích của ngành công nghiệp và nông nghiệp thường rất hăng hái trong việc vận động hành lang để ủng hộ hoặc phản đối các chính sách thương mại ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs)

and các tổ chức phi chính phủ (NGOs) trong các lĩnh vực khác nhau nói chung có vai trò ít hơn trong các cuộc tranh luận về chính sách thương mại quốc gia. Điều này bắt đầu thay đổi vào những năm 1990. Một lý do cho sự gia tăng tính chủ động là quan điểm cho rằng 'các đại gia' chi phối cả quá trình, làm giảm tính chính danh của hệ thống thương mại. Nhiều quốc gia đang phát triển cũng coi kết quả vòng đàm phán Uruguay là không cân bằng, làm giảm cảm nhận về sự sở hữu của họ đối với các điều luật và quy định của WTO.

Đến cuối những năm 1990, đã có một cuộc tranh luận sôi nổi về tính chính danh, sự quản lý và tính nhất quán của hệ thống thương mại đa phương. Cuộc tranh luận này là một phần của cuộc thảo luận lớn hơn nhiều về (sự phân bổ) chi phí và lợi ích của toàn cầu hoá, và về việc có nên 'quản lý' quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hay không và nên làm thế nào. Sau hội nghị bộ trưởng Seattle 1999, nhiều tổ chức phi chính phủ có quan điểm rằng WTO không bao gồm họ và cũng không cho họ thể hiện quan điểm của mình. Đối mặt với các chỉ trích từ các NGO, các thành viên WTO phản ứng rằng WTO là một tổ chức liên chính phủ, và các tổ chức phi chính phủ cần tuân thủ các luật chơi mà tất cả các nhóm lợi ích phải tuân theo, đó là sử dụng các biện pháp vận động từ trong nước và quá trình tham vấn để có thể đưa quan điểm của họ vào trong chính sách quốc gia. Tất nhiên, điều kiện cần thiết để điều này có thể đạt được đó là những cơ chế đó phải tồn tại ở cấp độ quốc gia. Tính chính danh của WTO ở phạm vi rộng hơn phụ thuộc vào các quá trình quốc gia mà thông qua đó chính sách thương mại được xây dựng và thay đổi, vì WTO là một tổ chức được điều hành bởi các thành viên hoạt động trên nguyên tắc đồng thuận.

Chương này sẽ bàn về vai trò của các nhóm ngành và các tổ chức phi chính phủ trong việc xây dựng chính sách thương mại ở tầm quốc gia và quốc tế, và tầm quan trọng của sự minh bạch và công khai trong việc xây dựng chính sách để đảm bảo rằng các chính phủ chịu trách nhiệm giải trình. Thông tin là một điều kiện cần thiết của tính "có thể phản biện" của chính sách trong chính trường quốc gia, điều tới lượt nó lại là điều kiện cần cho sự 'nhất quán' của các chính sách đó, cũng như tính chính danh của bất kỳ quy định đa phương nào được đàm phán.

14.1. Các ngành kinh doanh và việc xây dựng chính sách thương mại

Các doanh nghiệp có thể vận động cho các chính sách mà có thể giúp họ tránh được sự cạnh tranh từ nước ngoài, có được quyền kinh doanh độc quyền, hoặc miễn thuế. Họ cũng có thể đòi hỏi nhà nước để có được sự thâm nhập dễ dàng hơn vào thị trường nước ngoài và có thể phát triển các chiến lược với các đối tác nước

ngoài (khách hàng, chính quyền sở tại) để trực tiếp vận động cho các sự thay đổi chính sách ở nước sở tại. Nhiệm vụ của các nhà xây dựng chính sách, các nhà làm luật và người dân là làm sao đảm bảo tới mức độ cao nhất khả năng kiểm soát và thanh lọc việc vận động hành lang như vậy thông qua hệ thống tổ chức để giới hạn rủi ro của việc hoạch định chính sách bị thâm tóm bởi những bên nhiều quyền lực. Như một điều luật chung, chính sách thương mại là trách nhiệm của các nhà lập pháp và hành pháp. Trong đó, hành pháp bao gồm một hệ thống các cơ quan và đại diện nhà nước chịu trách nhiệm thi hành và có vai trò lớn trong việc xác định và xây dựng chính sách. Các cơ quan liên quan không chỉ bao gồm bộ thương mại, mà còn có cả bộ ngoại giao, bộ kinh tế và tài chính, cũng như các cơ quan chuyên trách quản lý nông nghiệp, tiêu chuẩn kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, vận tải, xây dựng, thông tin, pháp lý, giáo dục. Sự nhất quán của chính sách đối nội và đối ngoại là một vấn đề điển hình thường được giải quyết ở nội các với sự hỗ trợ của các uỷ ban và tổ chức cố vấn. Quyết định về các chính sách thương mại quan trọng thường đòi hỏi sự thay đổi về pháp luật và vì vậy, cần có sự thông qua của quốc hội.

Xung đột thường là cố hữu trong quá trình xây dựng chính sách thương mại bởi vì gần như lúc nào cũng vậy các chính sách thương mại đều có liên quan đến việc phân phối lại thu nhập giữa các nhóm trong xã hội. Một vài nhóm sẽ hưởng lợi và một số nhóm khác sẽ chịu thiệt hại từ bất kì một chính sách nào về việc thay đổi thuế hay cơ chế pháp lý liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu. Căng thẳng (hay các cuộc chiến tranh giành quyền lực) giữa các ban ngành chính phủ cũng thường xuyên diễn ra. Sự thoả hiệp được đạt đến thông qua thoả thuận hoặc qua quyết định của các cơ quan chính trị cao hơn. Ví dụ như bộ tài chính có thể sẽ muốn đánh thuế hoạt động ngoại thương để tạo nguồn thu và phản đối tự do hoá. Việc này có thể được hỗ trợ bởi các cơ quan chính phủ được vận động bởi các ngành công nghiệp sa sút để được bảo hộ, nhưng sẽ bị phản đối bởi bộ kinh tế, nơi đang nỗ lực sử dụng tự do hoá và miễn thuế như một công cụ để kích thích đầu tư và xuất khẩu. Bộ lao động có lẽ sẽ ưa thích các rào cản thương mại để bảo vệ tỉ lệ việc làm ở các ngành kém cạnh tranh, trái lại bộ ngoại giao có thể sẽ thích các chính sách mở hơn như là một phần trong chiến lược ngoại giao. Như đã thảo luận tại Chương 4, các ưu đãi nhóm lợi ích có thể đóng vai trò quan trọng trong việc xác lập quan điểm của các bộ ngành kinh tế và khu vực.

Sự khác nhau trong cấu trúc thể chế trong xây dựng chính sách thương mại thường phản ánh sự khác nhau hệ thống kinh tế chính trị, đặc biệt là vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế, tầm quan trọng của các lực lượng thị trường và sức mạnh của quyền tư hữu, và cấu trúc quyền lực từ trước đến nay. Để ngăn ngừa

tình trạng áp chế đảo chiều của đối tượng điều chỉnh¹ của các cơ quan ngành dọc và quá trình xây dựng chính sách, cần thiết phải có sự công khai minh bạch và tham vấn. Sự tham gia của cộng đồng là cơ chế hữu hiệu giúp các nhà ra quyết định có thể xác định được các bên liên quan và lợi ích cũng như chi phí xã hội của chính sách. Mục đích của cơ chế tham vấn là để cải thiện chất lượng chính sách thương mại cũng như để đảm bảo rằng nó có thể chấp nhận được đối với cử tri và các cơ sở hỗ trợ chính trị của chính phủ. Nhiều quốc gia đã có những cấu trúc chính thức cho các cơ quan tư vấn chung hay tư vấn cho các vấn đề cụ thể để có thể thể chế hoá sự trao đổi thông tin giữa các cộng đồng doanh nghiệp, các nhóm lợi ích khác và chính phủ (Khung 14.1). Ở một số nước khác, giới doanh nghiệp và chính phủ hiếm khi gặp mặt, hoặc sự tương tác chỉ được giới hạn ở một bộ phận nhỏ quan chức có đặc quyền tiếp cận.

Cơ chế tổ chức chính thức được hình thành ở nhiều quốc gia để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng chính sách thương mại có thể không phản ánh hiện thực các chính sách được xây dựng như thế nào. Điều quan trọng là làm thế nào để cân bằng được các nhóm lợi ích khác nhau, và liệu tất cả các nhóm có được tiếp cận với hệ thống hay không. Vai trò của nhà nước càng lớn, định hướng thị trường của nền kinh tế càng ít đi, và nhóm lợi ích doanh nghiệp càng ít được tham vấn hơn. Khi nền kinh tế mở cửa và hệ thống chính trị trở nên đa nguyên hơn, nhóm lợi ích doanh nghiệp sẽ có động lực và cơ hội lớn hơn để thể hiện quan điểm của mình. Các nhà nước chú trọng đến đạo đức kinh doanh và vai trò phân bổ của thị trường thường thiên về chấp nhận sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân trong quá trình xây dựng chính sách. Điều này có thể quan sát được ở nhiều quốc gia. Ví dụ, ngay sau những cuộc cải cách tự chủ tại Mỹ Latinh vào những năm 1980, các nhóm lợi ích xuất khẩu đã trở thành một nhân tố trong chính sách thương mại. Họ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập khu vực sau đó. Sáng kiến về FTAA (Khu vực mậu dịch tự do châu Mỹ) bắt đầu từ năm 1994, dẫn tới sự thành lập Mạng lưới Doanh nghiệp Hội nhập Bán cầu - với 400 tổ chức thành viên – Diễn đàn Doanh nghiệp Châu Mỹ và Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC (Ostry, 2000). Các doanh nghiệp nhỏ nhận thấy lợi ích của họ không được chú ý trong các tổ chức như vậy thường lập ra các tổ chức mang tính chuyên môn hoá.

¹ Hiện tượng “áp chế đảo chiều của đối tượng điều chỉnh” (regulatory capture) gắn liền với tên tuổi học giả Nobel George Stigler, một trong những người phát triển chính của khái niệm này. Đó là quá trình các cơ quan giám sát thực thi pháp luật rốt cục bị chính các đối tượng điều chỉnh áp chế. Hiện tượng này xảy ra khi một cơ quan giám sát thay vì phụng sự mục tiêu lợi ích công của toàn xã hội lại đi phụng sự lợi ích riêng của một hay một nhóm doanh nghiệp.

Khung 14.1. Sự tương tác giữa Chính phủ và Doanh nghiệp ở một số quốc gia chọn lọc

Ở Canada, chương trình mở rộng về tham vấn với tất cả các bên liên quan bao gồm các tổ chức kinh doanh, các tổ chức phi chính phủ, các nhóm lợi ích tiêu dùng được thực hiện trong quá trình xây dựng chính sách thương mại. Như một phần của nỗ lực này, trên trang tin điện tử về Thoả thuận và Đàm phán Thương mại có cung cấp thông tin chi tiết về các vấn đề chính sách thương mại và kêu gọi bình luận về các mục tiêu và ưu tiên đàm phán từ các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức doanh nghiệp và công chúng. Chính quyền liên bang cũng có một mối quan hệ gần gũi với chính quyền địa phương và các vùng lãnh thổ thông qua nhiều cơ chế khác nhau. Chính quyền cấp tỉnh được tham vấn về việc xác định các vấn đề chính sách thương mại ưu tiên, chiến lược đàm phán và các lập trường đàm phán trong quá trình chuẩn bị cho và đương nhiên cả bản thân các cuộc đàm phán thương mại quốc tế. Cùng với các bình luận và đề xuất từ người dân Canada nói chung, có 10 Nhóm Tư vấn Ngành về Thương mại Quốc tế giúp Bộ trưởng Bộ Thương mại Quốc tế với những lời khuyên chiến lược về các vấn đề cụ thể. Một Hội đồng Tư vấn Học thuật cung cấp cho Thứ trưởng Bộ Thương mại Quốc tế một kênh khác để đánh giá và xác định những lỗ hổng kiến thức và ưu tiên nghiên cứu.

Ở Ấn Độ, Bộ Thương mại được hỗ trợ trong việc xây dựng chính sách bởi các cơ quan tư vấn tham gia vào Ban Thương mại. Viện Ngoại Thương Ấn Độ tiến hành các nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Một vài viện nghiên cứu chuyên ngành về các vấn đề như bao bì đóng gói, kim cương, dệt may và hoá chất sẽ tập trung vào các vấn đề của ngành. Các uỷ ban hàng hoá theo luật định tư vấn về các chính sách thương mại cho chè, cà phê, cao su, gia vị và thuốc lá. Các hiệp hội ngành như Liên Hiệp Công nghiệp Ấn Độ, Liên đoàn Uỷ ban Thương mại Ấn Độ, và các nhóm chuyên gia như Trung tâm Nghiên cứu Quan hệ Kinh tế Quốc tế Ấn Độ cũng đóng góp cho các đề xuất chính sách.

Ở Maroc, Hội đồng Ngoại thương Nhà nước, bao gồm 30 nhân viên chính phủ và 36 đại diện doanh nghiệp, chịu trách nhiệm chuẩn bị tư vấn cho các vấn đề ngoại thương và đề xuất pháp lý mới. Khu vực tư nhân ở Cộng hoà Dominica có đại diện trong Uỷ ban Giám sát Kế hoạch Hội nhập, Uỷ ban Ngoại Thương, Uỷ ban Lomé IV, Hội đồng Các Khu kinh tế Tự do Nhà Nước, và trong các uỷ ban nhà nước về các vấn đề mua bán chuối, cà phê và cacao. Uỷ ban tư vấn Công-Tư Kết hợp chính là diễn đàn chính phủ doanh nghiệp chính thức và chủ yếu tại Thái Lan. Uỷ ban này chịu trách nhiệm một cách tổng quát với các vấn đề thương mại, đứng đầu bởi Thủ tướng và bao gồm một vài bộ trưởng trong nội các. Khu vực tư nhân thành lập Uỷ ban Thường trực Hỗ trợ về Thương Mại, Công nghiệp và Ngân hàng mà các thành viên của nó bao gồm Ban Thương Mại (một cơ quan tư nhân bao gồm các hiệp hội doanh nghiệp), Phòng Thương mại Thái Lan, Phòng Thương mại Ngoại thương và Hiệp hội Ngân hàng Thái Lan. Uỷ ban Hỗ trợ là một diễn đàn để thảo luận và xây dựng liên minh và là một nhân tố quan trọng trong quá trình xây dựng chính sách thương mại ở Thái Lan.

Một ví dụ là Philfoodex, một tổ chức bảo trợ chủ yếu của các doanh nghiệp gia công thực phẩm vừa và nhỏ tại Philippines. Tổ chức này được thành lập năm 1986 để đảm bảo lợi ích của các nhà gia công thực phẩm. Vì ngành công nghiệp gia công thực phẩm phát triển vào những năm 1980, những doanh nghiệp nhỏ hơn nhận ra

rằng Hiệp hội các Nhà Sản xuất Thực phẩm – lúc đó là hiệp hội các nhà sản xuất thực phẩm lớn ở Philippines – bị chi phối bởi các nhà sản xuất đường lớn và có lợi ích trong việc giữ giá đường cao. Hướng tiếp cận tự do hoá thương mại được tiếp tục ở Philippines vào những năm 1980 liên quan đến việc giảm thuế đối với các thực phẩm chế biến trong khi giá đường vẫn được giữ ở mức cao hơn giá trên thị trường thế giới. Kết quả là các nhà máy sản xuất thực phẩm sử dụng nhiều đường ở địa phương như kẹo và sô cô la gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với hàng hoá nhập khẩu. Ngành công nghiệp này phải chịu đựng nhiều từ việc bảo hộ hiệu quả tiêu cực (xem Chương 4). Bắt đầu từ cuối những năm 1990, Philfoodex trở nên chủ động hơn trong việc vận động hành lang đối với các nhà làm luật và nhân viên chính phủ để có được giá đường rẻ hơn (xem Kostecki, 2001, và www.philfoodex.com)

Lợi ích doanh nghiệp ở cấp WTO

Rất nhiều hiệp hội công nghiệp, liên minh doanh nghiệp, và các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Geneva cũng như các diễn đàn cấp nhà nước. Trong số các nhóm doanh nghiệp có thể thấy được là Hội nghị Bàn Tròn các Nhà Công Nghiệp Châu Âu (Brussel), Hiệp hội Geneva (một nhóm chuyên gia gồm 80 doanh nghiệp bảo hiểm), Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững và Liên Minh Công nghiệp Dịch vụ Hoa Kỳ, và cơ quan tương nhiệm của nó là Tập Đoàn Dịch Vụ Cộng Đồng Châu Âu. Phòng Thương Mại Quốc Tế có trụ sở tại Paris (ICC) vẫn duy trì văn phòng đại diện thường trực tại Geneva, chủ yếu để theo dõi các diễn tiến của WTO (khung 14.2). Hiệp Hội Các Nhà Sản Xuất Quốc Gia Hoa Kỳ hợp tác với các nhóm lợi ích doanh nghiệp Bắc Mỹ thông qua “Liên minh Hoa Kỳ vì Mở Rộng Thương Mại” và khởi xướng cũng như hỗ trợ nhiều đề án tự do hoá thương mại của Hoa Kỳ. Nó cũng đóng một vai trò quan trọng trong đàm phán TRIPS. CSI và Hiệp Hội Dịch Vụ Tài Chính Quốc Tế Luân Đôn – một hiệp hội của các doanh nghiệp dịch vụ có trụ sở tại Anh – là các nhân tố quan trọng giúp vận động sự ủng hộ nhằm đưa các vấn đề về dịch vụ vào trong vòng đàm phán Uruguay. Các tổ chức chuyên trách như Hội Thực Phẩm Sữa Hoa Kỳ, Liên minh Đường Hoa Kỳ hay Hội Đồng các Đoàn Luật Sư và Công ty Luật Châu Âu cũng đã rất năng động trong vòng đàm phán Uruguay (Arkell, 1994).

Khung 14.2. Phòng Thương Mại Quốc Tế và WTO

Phòng Thương Mại Quốc Tế (ICC), một tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Paris kết nối hàng ngàn doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp trên toàn thế giới, là một nhân tố quan trọng trong việc đưa ra các quan điểm từ giới doanh nghiệp mà các thành viên của nó muốn được xem xét tại WTO. ICC đã đưa ra các kêu gọi về các quy định xuất xứ ít rườm rà, phức tạp và không rõ ràng, về các thủ tục hải quan hiện đại và giản tiện, về các cuộc chiến chống việc gây khó dễ để đòi tiền và nạn hối lộ trong thương mại quốc tế. ICC cũng ủng hộ việc thành lập một khung pháp lý toàn cầu của WTO quy định về việc đầu tư qua biên giới, và có chế tài về trợ giá cũng như việc mở rộng thành viên của các thoả thuận đa phương của WTO về mua sắm chính phủ. Nó cũng kêu gọi việc giảm thuế suất hải quan, và tự do hoá thương mại trong dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông cơ bản, vận tải biển, các dịch vụ chuyên gia, sự di chuyển qua biên giới của chuyên gia và nhân sự quản lý.

ICC định kì chuẩn bị và phân phát các văn bản về các vấn đề thương mại kể trên và cũng có các buổi gặp mặt với đại diện WTO tại Geneva. Cơ quan này cũng được uỷ nhiệm là một tổ chức phi chính phủ ở các buổi họp cấp bộ trưởng tại WTO và những văn bản cũng như tuyên cáo lập trường của nó cũng được đăng trên trang web của WTO trong suốt ba kỳ hội nghị bộ trưởng vừa qua tại Hong Kong, Cancun và Seattle, cùng với các văn bản của các tổ chức phi chính phủ khác.

Các doanh nghiệp đa quốc gia cũng hoạt động rất tích cực trong hậu trường vòng đàm phán Uruguay. Các công ty toàn cầu như American Express, American International Group, Citibank và Arthur Andersen đều đưa ra những đóng góp chuyên môn và gây ảnh hưởng lên quá trình chuẩn bị của các vòng đàm phán đi đến quyết định của GATS. Nhìn chung mục đích của các doanh nghiệp này là nhằm đến cải thiện việc gia nhập các thị trường xuất khẩu. Các công ty nói riêng đều có những ích lợi quan trọng trong WTO. Ví dụ như các công ty kiểm định và thúc đẩy thương mại như Societe General de Surveillance (SGS), và các công ty vận chuyển và chuyển phát nhanh quốc tế như DHL hay Federal Express. Societe Generale de Surveillance giữ vị trí cấp cao trong các vấn đề liên quan tới GATT trong vòng đàm phán Uruguay và được coi như có vai trò lãnh đạo trong Liên hiệp Các Tổ chức Giám định Quốc tế, cơ quan đại diện cho các công ty giám định hàng trước khi chuyên chở.

Trong những năm 2000, sự quan tâm của các doanh nghiệp cũng như sự tham gia của họ vào WTO đều giảm sút. Ở một mức độ nào đó, điều này cũng có thể phản ánh tình hình kinh tế: một thời kỳ tốt đẹp – thương mại thế giới mở rộng nhanh chóng trong phần lớn thời gian diễn ra vòng đàm phán Doha (xem Chương 1). Nhiều chính phủ đã tiến hành cải cách chính sách kinh tế, bao gồm cả FDI, một phần vì quá trình phân mảnh kinh tế và chuyên môn hoá đang diễn ra, và ngược lại

nó cũng giúp cho các quá trình này diễn ra nhanh chóng hơn. Sự gia nhập của Trung Quốc năm 2001 và sự bùng nổ kinh tế ở Trung Quốc đã tạo ra những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp đa quốc gia, và quan trọng là nó cũng bắt nguồn cho những cải cách sâu hơn ở các quốc gia khác. Từ phía giới kinh doanh dường như có cảm nhận cho rằng việc cải cách có vẻ như không thể đảo ngược được, làm giảm đi các giá trị của cam kết đối với thúc đẩy tự do hoá trong WTO. Một vài ngành công nghiệp cũng trở nên ít tích cực hơn trong vòng đàm phán Doha bởi vì mối quan tâm của họ đến việc bảo hộ đã đạt được tại vòng đàm phán Uruguay. Điều này đúng với các thoả thuận như IPRs và TRIPS, vốn đã bị phản ứng dữ dội từ cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000. Cuối cùng, có vẻ ngày càng nhiều người nhận ra rằng WTO có lẽ không phải là tổ chức hiệu quả nhất mà qua đó người ta có thể đạt được tiếp cận tốt hơn đối với một số thị trường nhất định hoặc để tăng cường một số cam kết cụ thể. Những giải pháp thay thế bao gồm các thoả thuận thương mại ưu đãi hoặc các hiệp định đầu tư song phương – những thoả thuận này đã tăng lên nhanh chóng trong vòng đàm phán Doha. Dù lý do là gì đi nữa, việc thiếu sự hỗ trợ mạnh mẽ từ giới doanh nghiệp trong vòng đàm phán Doha là một nhân tố quan trọng khiến cho nó không thể có tiến bộ.

Sự gia tăng về tính công khai và quốc tế hoá của sản xuất đã dẫn đến các thay đổi trong đối thoại giữa doanh nghiệp và chính phủ. Đã có những thay đổi mạnh mẽ trong cách tiếp cận mà giới doanh nghiệp áp dụng vào việc vận động cho các chính sách thương mại. Điều này được tổng hợp trong bảng 14.1. Các xu hướng đều nhằm đến sự hợp tác với các nhóm lợi ích khác, làm việc thông qua và cùng với các mạng lưới, và sự tham gia ngày một gia tăng của các doanh nghiệp nhỏ trái với việc chỉ có các doanh nghiệp lớn nhất tham gia.

14.2. Các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự

Việc vận động hành lang đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách thương mại, ở cả cấp quốc gia và quốc tế. Việc nhóm lợi ích doanh nghiệp giữ vai trò áp đảo trong WTO không phải là một việc đáng ngạc nhiên – bởi vì trên hết, doanh nghiệp có lợi ích lớn nhất trong thương mại. Tuy nhiên, các nhóm khác cũng có vai trò nhất định, đặc biệt là ở cấp độ quốc gia. Công đoàn từ trước đến nay đều là một lực lượng chính trị lớn ở nhiều quốc gia, và ảnh hưởng tới lập trường chính sách thương mại của quốc gia đó. Các nhóm hoạt động môi trường và nhân quyền cũng là các nhân tố quan trọng, đặc biệt trong những chính sách cụ thể ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích của họ. Các nhóm lợi ích doanh nghiệp đang được hỗ trợ (và

nhều khi là cạnh tranh hoặc phản đối) từ các tổ chức phi chính phủ trong việc xây dựng chính sách ở cấp độ quốc gia, và rõ hơn là ở cấp độ quốc tế.

Các tổ chức phi chính phủ thường là các tổ chức phi lợi nhuận với chế độ thành viên tự nguyện và theo đuổi các mục tiêu phi kinh tế. Họ tạo thành một nhóm tương đối lớn nhờ vào những hoạt động của họ. Những tổ chức phi chính phủ lớn thường có ngân sách hàng năm hằng trăm triệu đô la đến từ các nguồn tư nhân, các đóng góp của chính phủ, và doanh thu từ việc bán hàng hoá hoặc dịch vụ. Các nhóm phi lợi nhuận (hầu hết là phi chính phủ) cung cấp hơn 8 phần trăm việc làm ở Bắc Mỹ và 6 phần trăm ở Anh (The Economist, 29 tháng Một 2000). Tuy nhiên, không có một tổ chức phi chính phủ lớn nào tập trung chủ yếu vào các vấn đề thương mại.

Bảng 14.1. Vận động chính sách thương mại: sự thay đổi mô hình

Cách tiếp cận mới

Nhấn mạnh về quá trình tư vấn mang tính cấu trúc và chính thức

Công chức nhà nước được xem như là điều phối viên hơn là người ra quyết định

Quan tâm đến sự minh bạch: các đề xuất chính sách được xem xét kỹ lưỡng thông qua lắng nghe dư luận, thảo luận và qua các trang web trên mạng internet

Quá trình tham vấn bao gồm tất cả các bên liên quan: hiệp hội ngành, nhóm lợi ích khu vực, người tiêu dùng, công đoàn, các tổ chức phi chính phủ, ...

Định hướng quốc tế, với các thoả thuận thương mại song phương và khu vực trở nên quan trọng hơn. Ảnh hưởng của các nhà đầu tư nước ngoài cũng rõ rệt hơn.

Tầm quan trọng của mạng lưới (và các cộng đồng Internet) trong việc xây dựng các liên minh và quản trị vấn đề.

Việc vận động chính sách tập trung vào các vấn đề yêu cầu khả năng chuyên môn. Các kỹ năng để giao tiếp với chính phủ và công chúng là cần thiết.

Cách tiếp cận truyền thống

Không minh bạch, việc tham vấn không chính thức chi phối quá trình tham vấn chính thức

Giới quan chức nhà nước chi phối việc ra quyết định

Thiếu minh bạch. Các thoả thuận ngầm ở cấp độ chính trị hoặc trong các cơ quan nhà nước có thể xảy ra

Quá trình ra quyết định bị chi phối bởi một số công ty lớn nhất định và một số ngành chủ đạo có quan hệ với chính phủ

Định hướng nội địa (tính quốc gia). Chính sách thương mại thông thường được xây dựng chứa đựng trong đó lợi ích của nhiều ngành công nghiệp nội địa lớn

Việc xây dựng liên minh và quản trị vấn đề được tập trung hoá trong tay của các quan chức nhà nước, các chính trị gia và các tác nhân kinh tế có quyền lực

Việc vận động chính sách tập trung chủ yếu vào các vấn đề tiếp cận thị trường và vấn đề phân phối lại thu nhập liên quan

Việc vận động chính sách ở tầm quốc tế khá hạn chế, và chủ yếu được thực hiện bởi các

Các tổ chức kinh doanh nhỏ và các tổ chức có công ty đa quốc gia lớn trụ sở tại các nước đang phát triển đang trở nên năng động hơn ở cấp độ quốc tế

Nguồn: Hocking & McGuire (2004), Kostecki (2005, 2007)

Mẫu số chung cho các mục tiêu của nhiều tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thương mại là vấn đề phát triển bền vững: đảm bảo rằng các mục tiêu xã hội và sinh thái được quan tâm bên cạnh các mục tiêu kinh tế. Trong những năm 1990, quan niệm bao trùm về phát triển bền vững đã mang một số lượng lớn các tổ chức nghiên cứu về môi trường, xã hội, nhân quyền và văn hoá lại với nhau. Những nhóm này về bản chất thường là các nhóm đa quốc gia, kết nối với các tổ chức quốc gia trong một mạng lưới khá lỏng lẻo, và được tăng cường kết nối với nhau thông qua mạng internet. Trái ngược với việc vận động hành lang của doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ tìm kiếm sự quan tâm của công chúng và sử dụng tốt truyền thông trong việc thu hút chú ý đối với các quan điểm của họ. Một ví dụ được đưa ra ở hội nghị bộ trưởng Seattle bởi Greenpeace khi họ phát bao cao su màu xanh cho các đại biểu để gửi đi thông điệp mang quan điểm của họ về những nguyên tắc cần thiết để thương mại "an toàn với môi trường". Các tổ chức phi chính phủ thường có xu hướng nghiêng về việc bổ sung cho các hoạt động tại cấp độ quốc gia bằng các hành động tập trung vào những vấn đề toàn cầu và hoạt động của các tổ chức quốc tế.

Việc giảm sút niềm tin vào các tổ chức chính trị, áp lực của việc phi tập trung hoá và lời kêu gọi hình thành những mô hình dân chủ trực tiếp mới đã là các nhân tố dẫn tới việc các tổ chức phi chính phủ trở thành những tổ chức 'chính lưu'. Quan hệ với các ngành kinh doanh đã dần dần chuyển từ mối quan hệ đối kháng đơn thuần sang bao gồm cả quan hệ hợp tác nhằm mục tiêu đôi bên cùng có lợi, cân bằng giữa sự bền vững và tính hiệu quả. Một ví dụ là dự án kết hợp giữa Oxfam và Unilever ở Indonesia nhằm đến việc làm thế nào để cải thiện tiềm năng của chuỗi phân phối, tạo việc làm và thu nhập. Nỗ lực nghiên cứu chung này đã phát hiện thấy cứ mỗi một nhân công được tuyển dụng trực tiếp thì lại có nhiều việc làm hơn nhiều trong chuỗi phân phối, cho thấy rằng đối với các tổ chức phi chính phủ đang tìm cách cải thiện tình hình của các nhà sản xuất và công nhân trong chuỗi cung cấp, họ cần phân tích chính sách của các công ty đa quốc gia đối với khía cạnh phân phối và bán lẻ trong chuỗi giá trị của họ (Clay, 2005). Dù trước đó đã có sự phân biệt khá rạch ròi giữa doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ, đến giữa

những năm 1990 việc này đã không còn nữa. Ngày nay giới doanh nghiệp có đóng góp đáng kể về tài chính cho các tổ chức phi chính phủ.

Chính phủ cũng có những phản ứng đối với sự nổi lên của các tổ chức phi chính phủ. Ví dụ như trong những năm 1990 cơ chế Diễn đàn Đối thoại Người tiêu dùng Xuyên Đại Tây Dương (TACD) được thiết lập để tiếp nhận đóng góp của các tổ chức phi chính phủ đối với các chính sách thương mại và chính sách liên quan bổ sung cho Diễn đàn Đối Thoại Thương Mại Xuyên Đại Tây Dương (TABD). Không có gì ngạc nhiên khi với sự khác biệt về lợi ích, việc tạo ra một sân chơi bình đẳng là không hề đơn giản. Public Citizen (một tổ chức phi chính phủ chuyên theo dõi chi tiêu của các công ty và vận động hành lang - ND), một tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Mỹ, đã đưa ra nhận xét rằng giới chính quyền Mỹ đã không chấp nhận các đề xuất của TACD nhưng lại chấp nhận tới 50% đề xuất của TABD (www.citizen.org/pctrade Tháng Chín 2000)

Các tổ chức phi chính phủ và WTO

Mặc dù các tổ chức phi chính phủ đã là một nhân tố đáng chú ý trong hệ thống Liên Hợp Quốc và các cơ quan quốc tế khác trong nhiều năm, nhưng những ảnh hưởng của họ trong các cuộc đàm phán thương mại đa phương và GATT vẫn rất ít ỏi cho đến cuối những năm 1980. Việc này đã thay đổi một cách căn bản trong Vòng Đàm Phán Uruguay, khi các nhóm hoạt động môi trường trở nên quan ngại rằng việc tự do hoá thương mại có thể gây thiệt hại cho môi trường. Và theo yêu cầu khẩn thiết của các tổ chức phi chính phủ, Ủy ban Thương Mại và Môi Trường đã được khôi phục vào năm 1991. Sau khi tổ chức WTO được thành lập vào năm 1995, các tổ chức phi chính phủ vẫn tích cực hoạt động. Chủ yếu vì lo lắng về tác động và hậu quả của toàn cầu hoá và nỗ lực 'marketing' của cá nhân Tổng giám đốc thời bấy giờ ông Ruggiero, người mà trong các bài phát biểu của mình luôn nhấn mạnh rằng WTO là nhân tố trung tâm và trụ cột của quá trình toàn cầu hoá, các tổ chức phi chính phủ phản đối hội nhập kinh tế toàn cầu bắt đầu nhận thấy WTO là một mục tiêu thích hợp. Các nhóm hoạt động phản đối toàn cầu hoá biểu tình chống lại tổ chức này trong hội nghị Bộ trưởng tại Geneva 1998, đồng thời áp đảo nội dung đưa tin về hội nghị bộ trưởng ở Seattle (1999) và Cancun (2003).

Có thể phân loại các tổ chức phi chính phủ dựa trên cách họ tiếp cận WTO thành ba nhóm lớn như sau: 'Nhóm thích nghi', 'Nhóm cải cách' và 'Nhóm cực đoan' (Scholte, O'Brien và Williams, 1999). 'Nhóm thích nghi' tán thành các hoạt động và mục tiêu của WTO, và cũng chấp nhận quan điểm cho rằng hội nhập toàn cầu và hoạt động dựa trên nguyên tắc thị trường sẽ là viễn cảnh khả quan nhất cho tăng

trường kinh tế và phát triển. 'Nhóm cải cách' bao gồm các tổ chức nhận ra giá trị của hệ thống thương mại đa phương dựa trên nền kinh tế mở và không phân biệt, nhưng quan ngại về việc các thủ tục hay điều luật hiện hành có thể không có hiệu quả. Nhóm cải cách muốn thay đổi hệ thống. Cuối cùng, 'Nhóm cực đoan' muốn loại trừ WTO hoặc về căn bản thu hẹp quyền lực và chức năng của tổ chức này.

Phần nhiều các tổ chức phi chính phủ là thuộc nhóm cải cách hoặc nhóm cực đoan. Họ thường có xu hướng hoạt động trong năm lĩnh vực: quyền lao động, nhân quyền, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng và phát triển kinh tế. Hầu hết các mục tiêu mà các tổ chức phi chính phủ theo đuổi có liên quan rất ít tới thương mại. Theo truyền thống, việc di chuyển lao động là vấn đề được quan tâm nhiều nhất trong các chính sách thương mại. Liên đoàn lao động lớn nhất Hoa Kỳ, AFL-CIO, là nhân tố chính, và cùng với đó là Liên Hiệp Công Đoàn Tự Do Quốc Tế (Brussels), xác nhận họ đại diện cho 124 triệu thành viên ở 143 nước. Cả hai tổ chức đều ủng hộ các tiêu chuẩn lao động cốt lõi trong WTO.

Một số lượng các tổ chức phi chính phủ phi lao động lớn tập trung vào các vấn đề kinh tế toàn cầu và đặt trọng tâm lên WTO được liệt kê trong Bảng 14.2. Mặc dù hầu hết các tổ chức phi chính phủ hoạt động tích cực trong lĩnh vực thương mại quốc tế đều đặt trụ sở tại các nước có thu nhập cao, số lượng các tổ chức phi chính phủ ở phía Nam cũng không nhỏ. Trong số những tổ chức nổi bật, Mạng lưới Thế giới Thứ ba (TWN) là một tổ chức có trụ sở tại châu Á và thường phê phán việc tự do hoá thương mại. Tổ chức Tín thác và Đoàn kết vì Người tiêu dùng (CUTS) là một liên minh giữa các tổ chức phi chính phủ châu Phi và châu Á quan tâm đến quyền lợi người tiêu dùng. Trung Tâm Phía Nam (South Centre) là một tổ chức được lập ra bởi nhóm G77 để bảo vệ quyền lợi của các nước đang phát triển trong WTO. Trung tâm Quốc tế về Thương mại và Phát triển Bền vững (ICTSD), cũng có trụ sở tại Geneva, xuất bản những bản tin về phát triển thương mại bên trong và ngoài WTO có tên *Bridges* (có thể download từ www.ictsd.org), đảm nhận việc phân tích các vấn đề đàm phán thương mại và tổ chức những cuộc gặp mặt thường xuyên giữa các nhà thực thi, các nhà phân tích và các bên liên quan. Một ưu thế mang tính cạnh tranh của nhiều tổ chức phi chính phủ là ở chỗ họ không bị bắt buộc phải làm việc với chính phủ - như nhiều tổ chức quốc tế khác.

Tất cả các tổ chức phi chính phủ liệt kê trong bảng 14.2, cũng như nhiều tổ chức khác, đều theo dõi sát sao các vòng đàm phán Doha. Thực chất, các tổ chức phi chính phủ có hiện diện nhiều hơn và có nhiều ảnh hưởng hơn cộng đồng doanh nghiệp. Nhiều tổ chức phi chính phủ lấy các nước đang phát triển làm trọng tâm và tập trung vào WTO đều là những tổ chức mới ra đời, một vài trong số đó được lập

nên để đáp lại sự thành lập của WTO. Ngược lại, các tổ chức NGO phương Bắc tích cực hoạt động trong vấn đề WTO lại có xu hướng vững chắc, lâu đời hơn. Những tổ chức phi chính phủ như Sierra Club, Quỹ Quốc Tế Bảo Vệ Thiên Nhiên và Tổ chức Hoà Bình Xanh đều ủng hộ việc áp đặt các biện pháp hạn chế thương mại trên các sản phẩm được sản xuất sử dụng các phương pháp có hại cho môi trường, để bảo tồn đa dạng sinh học hay dự trữ lâm nghiệp và các mục tiêu tương tự. Hầu hết các tổ chức NGO môi trường đều có xu hướng phê phán WTO, và cho thấy việc họ không hề hào hứng với toàn cầu hoá. Họ thường cho rằng việc toàn cầu hoá mà WTO khuyến khích làm yếu đi các tiêu chuẩn sức khoẻ và môi trường trong nền kinh tế toàn cầu.

Bảng 14.2. Các ví dụ về việc các tổ chức phi chính phủ tham gia vào các vấn đề liên quan WTO

Tên tổ chức (trụ sở)	Mục tiêu và Hoạt động
ActionAid International (Anh)	Làm cho hệ thống thương mại trở nên thân thiện hơn với sự phát triển
Consumers International (Anh)	Mạng lưới toàn cầu của các tổ chức bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng
Consumer Unity & Trust Society (CUTS), International (Ấn Độ)	Nghiên cứu và vận động chính sách về thương mại và phát triển bền vững ở cấp độ đa phương và khu vực
Evian Group (Thụy Sĩ)	Một mạng lưới toàn cầu hướng tới nền kinh tế thị trường mở, hội nhập và toàn cầu thông qua đối thoại giữa doanh nghiệp, chính phủ và những người dẫn dắt dư luận
IDEAS (Geneva)	Hỗ trợ các nước thu nhập thấp hội nhập vào hệ thống thương mại thế giới cùng với việc hỗ trợ giảm nghèo và phát triển kinh tế
Institute of Agriculture and Trade Policy (Mỹ)	Hỗ trợ các nỗ lực xây dựng các luật thương mại đa phương mạnh và công bằng hơn nữa
InterAction (Mỹ)	Một mạng lưới gồm 150 tổ chức tích cực hoạt động về các vấn đề thương mại và phát triển, bao gồm cả công bằng thương mại
International Chamber of Commerce (Paris)	Xúc tiến thương mại và đầu tư qua biên giới
International Centre for Trade and Sustainable Development (Geneva)	Hỗ trợ các hoạt động thương mại và phát triển bền vững thông qua thông tin, phân tích, mạng

	lưới/đối thoại và đào tạo
The International Federation of Free Trade Unions (Brussels)	Tăng cường các vấn đề quyền lao động và nhân quyền trong bối cảnh chính sách thương mại
International Institute for Sustainable Development (Canada)	Phân tích và đề xuất chính sách trong một số lĩnh vực bao gồm thương mại và đầu tư quốc tế
International Policy Network (Anh)	Tăng cường hiểu biết của công chúng về vai trò của tự hoá thương mại
One World (Toàn cầu)	Mạng lưới gồm 1.600 NGOs thúc đẩy phát triển bền vững, công bằng xã hội và nhân quyền
OXFAM International (Oxford)	Vận động việc đưa ra và thực thi các điều luật thương mại thân thiện hơn với phát triển và có tác động lớn hơn đến việc giảm nghèo đói
Public Citizen Global Trade Watch (Mỹ)	Thách thức quá trình toàn cầu hoá của các công ty, cho rằng các mô hình toàn cầu hoá lẫn 'thương mại tự do' không phải là những điều tất yếu
Third World Network (Malaysia)	Tập trung vào các vấn đề thương mại, xã hội và môi trường, gắn liền với phương Nam; ủng hộ môi trường chính sách và sự linh hoạt lớn hơn

Các tổ chức vì lợi ích người tiêu dùng trở nên tích cực hơn trong hệ thống thương mại thế giới vào những năm 1990. Mỗi quan tâm của họ bao gồm các vấn đề liên quan đến quyền cơ bản của người tiêu dùng (an toàn, thông tin, lựa chọn) cũng như quyền có được chất lượng cuộc sống tốt hơn. Nhóm lợi ích người tiêu dùng được đại diện ở tầm quốc tế bởi mạng lưới các tổ chức người tiêu dùng như Tổ chức Người Tiêu Dùng Quốc Tế và Đối thoại Người Tiêu Dùng xuyên Thái Bình Dương. Tổ chức thứ hai đã đóng một vai trò lớn trong việc tạo ra làn sóng phản đối các sản phẩm thịt có chứa chất kích thích trong công chúng. Nhiều tổ chức phi chính phủ định hướng phát triển trong đó có Tổ chức Cứu trợ của Giáo Hội Anh Giáo (Christian Aid), Phong trào Phát triển Thế giới và Oxfam. Cả ba tổ chức đều phát triển quan điểm của họ trong một phạm vi rộng lớn các vấn đề liên quan đến thương mại, bao gồm tiếp cận thị trường và đảm bảo các điều kiện thương mại công bằng cho các nước đang phát triển.

Nhiều tổ chức phi chính phủ cho rằng:

- WTO bị chi phối bởi – và là một công cụ của – các nhà vận động chính sách công nghiệp và các doanh nghiệp đa quốc gia, dẫn đến việc thờ ơ đối với

vấn đề về môi trường, lao động, người tiêu dùng và phát triển bền vững, cũng như sự gắn kết xã hội và thực thể xã hội;

- WTO cần phải chuyển sang cách tiếp cận cho phép cá nhân tham gia nhiều hơn thông qua việc tạo ra cơ chế tham vấn và các cơ quan tư vấn nếu muốn tạo niềm tin rộng rãi hơn và thu hút sự tham gia và 'sở hữu' của người dân; và
- Cần phải có thể lực làm cân bằng để nâng cao độ tin cậy của chính phủ trong đàm phán thương mại, và điều này đạt được tốt nhất bằng việc cho phép các tổ chức phi chính phủ có quyền tiếp cận trực tiếp với WTO.

Điều V.2 WTO quy định chi tiết rằng Đại Hội Đồng WTO có thể thu xếp một cách hợp lý cho việc tham vấn và hợp tác với các tổ chức phi chính phủ. Khi Đại Hội Đồng phê chuẩn việc sử dụng website của WTO để đăng tải các tài liệu và thông tin WTO, một phần riêng của trang web cũng được dành cho thông tin của các tổ chức phi chính phủ. Ban thư ký cũng được khuyến khích làm việc gần gũi hơn với các tổ chức phi chính phủ để trao đổi quan điểm liên quan đến các Thỏa thuận WTO (WT/L/162). Thủ tục cho việc này được quy định năm 2001 trong một văn bản của Ban Thư Ký (WT/INF/30). Việc tiếp xúc với các tổ chức phi chính phủ được diễn ra dưới nhiều hình thức, từ các buổi tiếp xúc ngắn cho đến các hội nghị chuyên đề. Đại hội đồng nhận ra rằng điều phối viên công việc của các hội đồng và uỷ ban WTO có thể tham gia vào các sự kiện đề xuất bởi các tổ chức phi chính phủ miễn là khi việc này được tiến hành trong phạm vi năng lực cá nhân. Diễn đàn Phát triển Thế giới thường niên đã trở thành một trong những nơi đối thoại với các tổ chức phi chính phủ. Tuy nhiên, các chính phủ thành viên WTO thường không cởi mở với bất kỳ đề xuất nào về việc các NGO sẽ tham gia trực tiếp vào các diễn đàn WTO. Việc tiếp xúc với các tổ chức phi chính phủ thường diễn ra trên cơ sở phi chính thức. Hơn nữa, việc này cơ bản diễn ra ở Geneva, khiến cho chỉ các NGO với đầy đủ nguồn lực mới có thể đặt cơ sở ở Geneva hoặc làm tốn thêm chi phí cho các chuyến công tác thường xuyên. Các tổ chức phi chính phủ cũng được đề nghị về việc họ có thể gửi các thư trình bày ý kiến trực tiếp đến Ban Thư Ký WTO, và cơ quan này sẽ đăng trên phần của NGO trên website WTO và chuẩn bị cho danh sách tài liệu được gửi đến hàng tháng.

Trong những năm 2000, các NGO tiếp tục gây áp lực để có quyền tiếp cận các buổi họp của uỷ ban và hội đồng WTO, được lắng nghe ý kiến tại các buổi hội thảo (ít nhất là một vài trong số đó) và có cơ hội để nộp văn bản giấy. Các đề xuất không chính thức cũng được đưa ra để tạo nên một quá trình minh bạch và duy nhất nhằm cho phép sự tham gia của bất kỳ NGO nào muốn tham gia. Ví dụ,

Willets (2002) đã đề xuất rằng WTO cần bắt đầu bằng việc chấp nhận những NGO đang có chế độ tham vấn trong Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên Hợp Quốc và nên có một uỷ ban bao gồm đại diện NGO xác định Quy tắc ứng xử của các NGO tham gia vào các cơ quan của WTO. Các đề xuất khác bao gồm việc cần có sự phân biệt giữa các NGO tham gia trực tiếp vào các vấn đề thương mại và các NGO không trực tiếp tham gia, trong đó chỉ có các tổ chức tham gia trực tiếp mới có đủ điều kiện. Một ý kiến khác là cần phân biệt giữa các tổ chức theo đuổi lợi ích thương mại (các đại diện công nghiệp, hiệp hội thương mại, vv...) và các tổ chức phi thương mại (Ratton Sanchez, 2006). Các tổng giám đốc của WTO đã thiết lập nên cơ chế có thể coi là cơ chế hợp tác NGO/WTO dưới hình thức các Ban tư vấn. Ban tư vấn đầu tiên được thành lập bởi Mike Moore (2001) và sau đó là hai ban khác dưới nhiệm kỳ Supachai Panitchpakdi (trong năm 2003). Oxfam International và Tổ chức Những người bạn của Trái đất được mời để tham gia nhưng đã từ chối bởi lý do rằng họ không mang đủ tính đại diện cho xã hội dân sự.

Một thay đổi chính sách quan trọng được đánh dấu trong quyết định của hội nghị Bộ trưởng Singapore 1996 cho phép đại diện của các tổ chức phi chính phủ tham gia vào các phiên họp toàn thể của hội nghị bộ trưởng. Tuy nhiên, họ không được phép trình bày ý kiến trong các phiên họp này. Từ năm 1998, Đại Hội Đồng cho phép Ban Thư Ký WTO tổ chức những buổi gặp ngắn với đại diện các tổ chức phi chính phủ trong các hội nghị bộ trưởng về tiến trình đàm phán, và sau năm 1999 các hình thức khác cũng được chấp nhận trước những yêu cầu gia tăng về sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ. Những yêu cầu này bao gồm: (1) các buổi gặp ngắn ở Geneva bởi Ban Thư Ký sau cuộc gặp giữa các thành viên; (2) khung thảo luận; (3) tổ chức các phiên làm việc; (4) cho phép Ban Thư Ký chấp nhận các bản tuyên cáo lập trường của các NGO. Những tiến bộ này đã nhanh chóng mang lại nhiều hoạt động mới xung quanh hội nghị bộ trưởng, bao gồm các buổi hội thảo và thảo luận. Thêm vào đó, các hội nghị chuyên đề tổ chức bởi WTO cũng được công khai. Vào năm 2008, hơn mười sự kiện như vậy đã được tổ chức. Từ năm 2005, các diễn đàn công khai được tổ chức với sự hợp tác của các tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm trong việc điều hành các thảo luận khung và lựa chọn chủ đề chung cho diễn đàn.

Mặc dù những động thái ban đầu này đã tăng cường tiếp xúc với các tổ chức phi chính phủ, nhưng những kênh ảnh hưởng mang tính cơ bản của các NGO vẫn là không chính thức. Cơ chế được một số NGO sử dụng đó là tham gia với tư cách là thành viên chính thức của đoàn đại biểu quốc gia tham dự các buổi họp của WTO. Một vài tổ chức phi chính phủ, đặc biệt là những tổ chức có đại diện tại Geneva, thậm chí đã có thể có được những tiếp cận không chính thức với các buổi họp của

một số hội đồng và uỷ ban WTO nhất định. Một hình thức ảnh hưởng gián tiếp nhưng cũng không kém phần quan trọng đó là các báo cáo nghiên cứu mà họ tiến hành đối với việc áp dụng các cam kết trong phạm vi WTO và những chiến dịch tăng cường minh bạch của họ. Chắc chắn rằng việc tiếp xúc hàng ngày với Ban Thư Ký WTO, các cuộc thảo luận (trong các hội nghị chuyên đề và các nhóm làm việc) và hoạt động của các Ban Tư Vấn là những cơ chế hữu hiệu cho sự can dự gián tiếp của các tổ chức phi chính phủ.

Từ năm 1998, các tổ chức phi chính phủ được phép gửi tới Ban hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm các bản nội dung góp ý pháp luật (*amicus curiae* briefs). Lần đầu tiên một cơ hội như vậy được đưa ra liên quan đến vụ kiện Tô-m-Rùa biển. Tuy nhiên, quy trình tiếp nhận các góp ý pháp luật như vậy là không ổn định, tạo ra sự bất an trong các tổ chức phi chính phủ về việc liệu những đóng góp của họ có được chấp nhận trong Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) hay không. Số lượng các góp ý pháp luật được gửi đến Cơ quan Giải quyết Tranh chấp đã tăng lên qua từng năm và dẫn tới sự hình thành các quy trình cụ thể đối với việc chấp nhận góp ý pháp luật. Ví dụ, Ban hội thẩm đã đưa ra quy định rằng họ sẽ chấp nhận các bản góp ý được nộp trước phiên điều trần với các bên. Cơ quan Phúc thẩm thậm chí còn đưa ra các quy trình chi tiết, về thời hạn và phương pháp, cho việc nhận góp ý pháp luật khi họ tiến hành phân tích vụ tranh chấp đối với Cộng đồng Châu Âu về các biện pháp chính sách liên quan đến sản phẩm amiăng và sản phẩm có chứa amiăng (WT/DS135). Vào tháng Chín năm 2005, trong các vụ tranh chấp về Sản phẩm chứa chất kích thích (WT/DS320, WT/DS321), Ban hội thẩm quyết định công khai tới khán giả và các bên tham gia tranh chấp, theo thủ tục tổ tụng quy định. Trong quá trình xem xét lại hệ thống giải quyết tranh chấp được tiến hành trong vòng đàm phán Doha, đã có yêu cầu cho rằng nên có quy định rõ ràng về việc cho phép nộp góp ý pháp luật và thiết lập một quy trình cụ thể cho việc này (Điều 13) hoặc hạn chế sự tham gia của các NGO.

Một tiền đề của các thành viên WTO đó là các chính phủ được bầu cử dân chủ vốn đàm phán các thoả thuận thương mại đại diện cho người dân nước đó, nếu không, họ có thể và sẽ bị bãi miễn. Nếu cần thiết, bất kỳ thoả thuận nào cũng có thể bị đàm phán lại sử dụng những cơ chế có sẵn trong WTO vì mục đích ấy. Trách nhiệm cơ bản trong việc xem xét tất cả những lợi ích khác nhau của các tổ chức phi chính phủ trong quá trình xây dựng chính sách thương mại được cho là nằm ở cấp độ quốc gia. Những nỗ lực để các NGO có thể tích cực tham gia trực tiếp vào hoạt động và các buổi họp của WTO vì vậy thường bị phản đối bởi hầu hết các thành viên WTO. Tuy nhiên, các tổ chức phi chính phủ có lý do chính đáng để lo ngại về việc liệu họ có đủ cơ hội để đưa các ý kiến của họ vào trong quy trình tổ chức và

chính trị quốc gia mà thông qua đó các chính sách thương mại được xây dựng hay không. Hiện tại, WTO không làm được gì nhiều để yêu cầu các thành viên thực hiện các biện pháp cho phép các NGO tham gia vào quá trình xây dựng chính sách. Một vài tổ chức phi chính phủ (như tổ chức Người tiêu dùng Quốc tế) vì vậy đã đề xuất rằng các thành viên WTO xây dựng hướng dẫn cho cơ chế tham vấn quốc gia và khuyến khích các thành viên chấp nhận và thực hiện chúng với mục tiêu cho phép xã hội dân sự được tham gia vào quá trình xây dựng chính sách thương mại quốc gia (hoặc khu vực). Nếu không có một bước đi theo hướng đó, vốn là một bước đi lớn đối với WTO, thì yêu cầu chính vẫn là làm sao đảm bảo rằng hoạt động của WTO là minh bạch và có “đầy đủ thông tin” để các chính phủ thành viên bị buộc phải chịu trách nhiệm giải trình trong các diễn đàn chính trị trong nước.

Ở các chế độ dân chủ, tất cả các nhóm lợi ích đều có cơ hội thể hiện quan điểm của họ về chính sách thương mại và các vấn đề liên quan trước các đại diện trong cơ quan lập pháp và chính phủ. Với mong muốn được bầu, các chính trị gia sẽ phải phản hồi lại các nhóm lợi ích đó, vì họ muốn huy động thêm nhiều phiếu bầu trong thời gian bầu cử. Trong các hệ thống tập trung hoá, quyền lực có xu hướng tập trung hơn, và nhiều nhóm gặp khó khăn trong việc thể hiện quan điểm của mình và gây ảnh hưởng đến quá trình xây dựng chính sách. Cho dù đó là hệ thống pháp luật nào đi nữa, thì thông tin vẫn là yếu tố quyết định trong một quy trình xây dựng chính sách tốt và trong việc buộc chính phủ và hệ thống lập pháp chịu trách nhiệm giải trình. Các tổ chức phi chính phủ và các nhóm lợi ích khác có thể đóng vai trò có giá trị trong việc cung cấp thông tin và thu thập dữ liệu. Một tiêu điểm lớn của rất nhiều các tổ chức NGO phương Nam kể trên là cung cấp thông tin và tiến hành phân tích, cũng như xây dựng năng lực trong các nước đang phát triển để bảo vệ lợi ích của họ. Có những bằng chứng thực nghiệm cho thấy sự phản ứng của chính phủ đối với áp lực từ các nhóm lợi ích trong việc xây dựng chính sách thương mại tăng lên cùng với sự lớn mạnh của các tổ chức doanh nghiệp độc lập và hiệu quả (Kostecki, 2007). Sự tham gia của giới doanh nghiệp là một nhân tố quan trọng trong việc chuyển các chính sách thương mại của Hoa Kỳ từ chính sách ngoại giao sang thành chính sách được thúc đẩy bởi các động cơ thương mại.

14.3. Quản lý WTO

WTO hoạt động trên nguyên tắc đồng thuận. Như đã nhấn mạnh ở các chương trước, cơ chế ra quyết định của WTO đã nhận rất nhiều phê phán nghiêm khắc trong các hoạt động trước và sau các hội nghị bộ trưởng lớn, đặc biệt là hội nghị bộ

trưởng Seattle và Cancun. Nhiều thành viên WTO nhỏ và có thu nhập thấp đã tỏ ra hết sức thất vọng về khó khăn trong việc giữ vững các mục tiêu phát triển, và phản đối việc bị loại trừ trong các buổi họp và tham vấn mà các nhượng bộ và thoả thuận được ký kết. Đầu năm 2000, Hội đồng WTO xác định việc tái xác lập niềm tin vào WTO là vấn đề được ưu tiên. Một cách rộng hơn, việc không thể đạt đến thoả thuận Doha đã dẫn đến các yêu cầu gia tăng về việc cần có cách tiếp cận mới liên quan đến quá trình ra quyết định.

Có hai đề xuất thu hút được nhiều chú ý nhất. Đề xuất đầu tiên là từ bỏ chế độ đồng thuận và tạo ra một cấu trúc quản lý và ra quyết định dựa trên một Ban hoặc Ủy ban điều hành, điều thường thấy ở World Bank hay IMF. Tư cách thành viên của ban này sẽ được căn cứ trên "trọng lượng kinh tế" (ví dụ như đóng góp thương mại), với một số thành viên thường trực và các thành viên luân phiên. Những thành viên của ban này sẽ đại diện cho các nhóm quốc gia mà họ được chọn làm đại diện. Đề xuất thứ hai là mở rộng phạm vi của xã hội dân sự và các cơ quan phi hành pháp tham gia vào quá trình hoạt động của WTO.

Hầu hết các nước đang phát triển đều phản đối mạnh mẽ mô hình IMF hay WB, vì họ tin tưởng rằng nguyên tắc đồng thuận sẽ tối đa hoá khả năng bảo vệ lợi ích của họ. Một giải pháp thay thế, một sự thay đổi kém tham vọng hơn sẽ là cho phép Ban/Ủy ban Giám sát nhiệm vụ thúc đẩy đồng thuận trên các vấn đề, sau đó vấn đề sẽ được thông qua bởi tất cả các thành viên WTO (Schott và Watal, 2000). Thay vì đề xuất theo đuổi các cải cách hệ thống lớn, Schott và Watal đề xuất nên tập trung vào các thay đổi mang tính quy trình để đảm bảo các cuộc gặp của các nhóm nhỏ (như các cuộc đàm phán trong Phòng Màu Xanh) là minh bạch. Việc này có thể đòi hỏi sự đồng ý cho rằng việc tham vấn cần được mở rộng, tất cả các thành viên cần được thông báo về việc sẽ có đàm phán trong Phòng Màu Xanh, và tất cả các thành viên đều có cơ hội để đưa ra quan điểm của mình và kết quả sẽ được báo cáo một cách thường xuyên tới các thành viên vắng mặt (Luke, 2000).

Những nỗ lực theo hướng này được thực hiện rộng rãi bởi Ban Thư Ký WTO trong thời kỳ sau năm 2000 dưới một mục tiêu chung là nhằm tăng cường tính minh bạch nội bộ (Pedersen, 2006). Sau hội nghị bộ trưởng Seattle, Chủ tịch Đại Hội Đồng đã khởi động một quá trình tham vấn dẫn tới sự ra đời 20 văn bản thảo luận không chính thức và trở thành tư liệu nguồn cho báo cáo của Chủ tịch. Mặc dù hầu hết các thành viên đều cho rằng sự minh bạch và quá trình tham vấn có thể được cải thiện, nhưng cũng có nhiều ủng hộ mạnh mẽ cho một số nguyên tắc và kết luận cơ bản: không cần thiết phải có một sự cải cách triệt để WTO; nguyên tắc đồng thuận của WTO cần được duy trì; và hệ thống tham vấn không chính thức là

một yếu tố cơ bản trong các hoạt động của WTO. Điều cần được đảm bảo ở đây là bất kỳ thành viên nào cũng có thể đưa ra các quan điểm của mình và kết quả của việc tham vấn sẽ được báo cáo lại cho toàn bộ các thành viên, đặc biệt là trong các hội nghị bộ trưởng. So với hội nghị Seattle, các hội nghị bộ trưởng sau đó đã được tổ chức với tính minh bạch được cải thiện đáng kể. Việc cải thiện tính minh bạch bao gồm các buổi gặp mặt ngắn không chính thức của những người dẫn đầu đoàn đại biểu, những người được bầu vào Nhóm bạn của Chủ tịch (Friends of the Chair) về nhiều nội dung đàm phán khác nhau, và quyết định về việc dành ra hai tiếng cuối ngày không họp để tăng cường sự tiếp xúc giữa các đại biểu.

Báo cáo Sutherland, được chuẩn bị bởi một cơ quan tư vấn theo yêu cầu của Tổng Giám Đốc WTO Panichpakdi vào năm 2005, đề xuất thành lập một Nhóm Tham Vấn chính thức cấp cao gồm không quá 30 thành viên, trong số đó sẽ có một số thành viên thường trực và các thành viên luân phiên. Mục đích của nhóm này – sẽ chỉ được giới hạn ở các quan chức làm việc tại các thủ đô và có thể dự họp ở cấp bộ trưởng khi cần thiết – sẽ đưa ra các hướng dẫn mang tính chính trị cho các bên đàm phán 'khi cần thiết' và vạch ra những lĩnh vực có khả năng đạt đến thoả thuận/đề xuất để thúc đẩy hoạt động của WTO. Những cuộc gặp của nhóm này ở cấp cao sẽ được tiến hành trước các cuộc hội nghị bộ trưởng để chuẩn bị nội dung cơ bản cũng như chương trình nghị sự, v.v.. Lý do căn bản cho việc thành lập một nhóm như thế này là nó sẽ giúp chính thức hoá các 'Hội nghị bộ trưởng thu hẹp' mà các nhóm nhỏ thành viên WTO đang kêu gọi để giải quyết các vấn đề của Vòng đàm phán Doha. Báo cáo này cho rằng việc chính thức hoá những vấn đề nổi lên từ cơ sở không chính thức và mang tính tình thế sẽ giúp tăng cường hiệu quả của việc tiếp xúc của một nhóm nhỏ. Báo cáo Sutherland cũng đề xuất rằng các nhà làm luật đóng ở thủ đô cần tham gia nhiều hơn ở cấp cao vào các cuộc đàm phán ở Geneva; các buổi họp của Hội nghị Bộ trưởng WTO cần được tiến hành hàng năm (thay vì hai năm một lần); và một hội nghị thượng đỉnh WTO bởi các nguyên thủ quốc gia năm năm một lần.

Đề xuất thành lập một cơ quan tham vấn không nhằm mục đích thay thế cơ chế hoạt động dựa trên nguyên tắc đồng thuận của WTO. Nó không được xây dựng để trở thành một cơ quan ra quyết định, và vì vậy mà nó khác với mô hình của các 'tổ chức tài chính quốc tế'. Tuy nhiên, báo cáo cũng đề xuất nhiều hành động để làm yếu đi các 'hạn chế đồng thuận' vốn cản trở quá trình ra quyết định. Cụ thể, nó cũng đề xuất yêu cầu rằng các thành viên WTO không đồng ý với các biện pháp chính sách hay đề xuất được ủng hộ rộng rãi cần đưa ra các lý do xác đáng rằng lợi ích thiết yếu của quốc gia đó đang bị đe dọa. Ý kiến này cũng nhằm ngăn cản các thành viên lợi dụng nguyên tắc đồng thuận như một phần trong chiến lược trao đổi

phiếu bầu. Những đề xuất này không tạo ra được sự thu hút nào đối với các thành viên WTO.

Blackhurst and Hartridge (2005) cho rằng chỉ tập trung vào tính minh bạch là không đủ. Thay vào đó, họ đề xuất WTO cần có các nhóm nhỏ thành viên với quy mô hiệu quả để thảo luận, tranh luận, và đàm phán, đưa ra dự thảo nội dung để các thành viên chấp thuận. Điều quan trọng là họ cho rằng việc tham gia vào nhóm này cần phải hoàn toàn minh bạch, có thể dự đoán được, công bằng và hợp pháp dưới con mắt của tất cả các thành viên WTO.

Một cách tiếp cận khác, được ủng hộ bởi rất nhiều tổ chức phi chính phủ, là cần cho phép các đại diện xã hội dân sự tiếp cận với nội dung thảo luận của WTO. Các tổ chức phi chính phủ liên tục cho rằng họ có thể có cơ chế quan sát tại các hội nghị của Liên Hợp Quốc, nhưng lại bị loại trừ ở WTO. Việc loại trừ này không chỉ ở các buổi đàm phán và giải quyết tranh chấp, mà còn ở các cuộc gặp định kỳ của các uỷ ban và hội đồng. Bản chất của quá trình hợp tác đã làm cho việc cho phép khu vực tư nhân tham gia vào các buổi đàm phán trở nên khó khăn hơn, nếu không muốn nói là không thể. Nội dung đàm phán đa dạng và nhiều kết nối làm cho quá trình đàm phán trở nên phức tạp. Việc cho phép các nhóm với một vấn đề được quyền tham gia vào quá trình đàm phán sẽ cản trở nhiều đến các mặt cả và đánh đổi cần thiết. Đó là nhiệm vụ đối với các chính phủ, cơ quan được giao phó nhiệm vụ đảm bảo lợi ích công cộng. Việc đạt thoả thuận và đưa ra các quan điểm lập trường là không thể thực hiện được một cách công khai. Các nhà đàm phán sẽ không đồng ý để cho các nhóm lợi ích khác nhau kiểm soát chặt chẽ hậu trường đàm phán của họ và lập tức công bố tất cả những động thái mà họ cho rằng các nhà đàm phán đã không bảo vệ lợi ích của họ. Sự minh bạch tuyệt đối sẽ dẫn đến bế tắc – các nhà đàm phán sẽ không thể đạt được những sự đánh đổi mà kết quả là nâng cao tổng lợi ích. Nói theo cách nói của Bismarck: 'không nên cho người dân quan sát việc luật pháp hay xúc xích được tạo ra như thế nào'.

Điều quan trọng là tính minh bạch sau đàm phán và sự tiếp cận với các nhà làm luật trước đó. Như đã nhấn mạnh ở Chương 4, những bên có lợi ích liên quan cần phải có thể thông tin cho các đại diện nhà nước về lợi ích và ưu tiên của họ. Sự tiếp cận tốt hơn ở cấp độ trong nước sẽ có thể cải thiện tính đại diện trong lập trường ở WTO của các thành viên. Tính minh bạch ở cấp độ WTO càng cao càng tăng độ tin cậy của các chính phủ. Các quyết định của thành viên WTO về việc bãi bỏ nhanh hơn các hạn chế đối với các tài liệu không mật và khiến cho công chúng có thể tiếp xúc với các tài liệu này qua mạng Internet đã có đóng góp lớn cho việc tăng tính minh bạch liên quan đến Hiệp định GATT.

Việc cho phép các tổ chức phi chính phủ lớn có quyền tiếp cận ở cấp độ toàn cầu với các phiên làm việc không đàm phán chính thức của các cơ quan WTO với tư cách là quan sát viên cũng góp phần tăng cường tính minh bạch. Điều V2 WTO – cho phép Đại hội Đồng có thể sắp xếp một cách thích hợp trong việc hợp tác với các NGO về những vấn đề liên quan tới WTO – mang đến một cơ chế để đạt được điều này nếu các thành viên WTO muốn. Nhiều yêu cầu của cộng đồng các tổ chức phi chính phủ trong vấn đề này đáng để được hỗ trợ. Ví dụ như Tổ chức Người tiêu dùng Quốc tế đã đề nghị rằng WTO nên đưa ra một cơ chế kiểm định các NGO quốc tế và cho họ tư cách quan sát viên như các tổ chức quốc tế khác đã làm; xây dựng các tiêu chuẩn cho sự bảo mật thông tin để cho phép xoá bỏ hạn chế đối với các tài liệu không bí mật, và yêu cầu phát hành kịp thời các dự thảo chương trình nghị sự để tăng cường sự tham vấn trong nội bộ quốc gia. Vấn đề chính trong việc thực thi đề xuất cấp tư cách quan sát viên là việc xác định ai sẽ được kiểm định. Với số lượng lớn các buổi họp được tiến hành hàng năm và chi phí tham dự, chỉ có các NGO lớn nhất mới có thể đáp ứng được. Để giải quyết vấn đề này cần sự hợp tác của các NGO hoặc cần có một quy định về việc luân phiên tham dự. Với sự tồn tại của các liên doanh như Trung tâm Quốc tế về Thương mại và Phát triển bền vững ICTSD, sẽ là tương đối thuận lợi để ghi nhận một số nhỏ các tổ chức NGO là quan sát viên, và yêu cầu họ cung cấp cho các bên liên quan báo cáo về các buổi họp WTO. Một điều kiện cần để có thể làm theo cách này là cần phải xác định được tiêu chí cho quan sát viên một cách tổng quát hơn, bao gồm cả cho các tổ chức quốc tế. Việc này đã trở thành chủ đề tranh luận giữa các thành viên WTO, phản ánh các cân nhắc chính sách ngoại giao (cụ thể là liên quan đến yêu cầu trở thành quan sát viên của Liên đoàn các Quốc gia Ả Rập).

Một trong những đề xuất tham vọng hơn nữa theo hướng mở rộng các chủ thể trong WTO là việc tạo ra một hội đồng lập pháp bổ sung cho sự tồn tại duy nhất của 'cơ quan hành pháp' của các thành viên trong diễn đàn WTO. Thực hiện được việc này có thể giúp cho các quốc gia thành viên tham gia sâu rộng hơn vào WTO cũng như nâng cao quyền 'sở hữu' đối với tổ chức. Ví dụ, Bellmann và Gerster (1996) cũng đã lập luận ủng hộ việc thành lập một 'Nghị viện WTO' với đại biểu từ tất cả các quốc gia thành viên. Mục tiêu là để tăng cường sự liên kết với các cơ quan lập pháp quốc gia và sự hiểu biết cũng như đầu vào cho các buổi đàm phán và chương trình làm việc định kỳ của WTO. Các đại diện lập pháp sẽ tham gia vào hội nghị Bộ trưởng WTO và có thể có đại diện trong các đoàn đại biểu tham gia vào các hội đồng WTO (xem Chương 2). Tuy nhiên, không có cơ chế chính thức nào để các nhà làm luật có thể tham gia thường xuyên vào WTO (Skaggs, 2004). Ý kiến này đã bị phản đối mạnh mẽ bởi các thành viên, đặc biệt là các nước đang phát

triển. Quan điểm của họ là WTO là một tổ chức liên chính phủ và việc đàm phán chính sách thương mại là một vấn đề thuộc về thẩm quyền của chính phủ, và vai trò của các cơ quan lập pháp chỉ nằm ở chỗ cho phép và chấp thuận mục tiêu và nội dung đàm phán. Tuy nhiên, sự tham gia sâu rộng hơn của cơ quan lập pháp có vẻ như là một cơ chế hữu hiệu để gia tăng sự tham gia của công chúng đối với WTO.

Bắt đầu vào năm 2001, các hội nghị nghị viện quốc tế về WTO đã được tổ chức bởi Liên minh Nghị Viện Thế giới hợp tác với Nghị Viện Liên Minh Châu Âu, ở cả Geneva lẫn các hội nghị bộ trưởng. Một lập luận được đưa ra bởi các nghị sĩ nhằm ủng hộ sự tham gia sâu rộng hơn vào WTO là họ được bầu, khác với các tổ chức phi chính phủ, và sự tiếp xúc thường xuyên sẽ tăng cường chất lượng giám sát (mang tính quốc gia) của họ đối với các cơ quan hành pháp.

Còn về quá trình giải quyết tranh chấp thì sao? Như đã nói ở Chương 3, nhiều tổ chức phi chính phủ đã hào hứng có thể tiếp cận với Ban hội thẩm để bảo vệ lợi ích môi trường và các quan tâm khác của họ. Ban Bồi thẩm cũng đã chấp nhận quyết định về việc tiếp nhận các góp ý pháp luật. Việc đi xa hơn và cho phép các quan sát viên được vào phòng giải quyết tranh chấp với tư cách là quan sát viên sẽ cần phải có thay đổi trong cơ chế giải quyết tranh chấp, trong đó có việc chuyên nghiệp hoá Ban hội thẩm. Tuy nhiên, như thảo luận trong Chương 3, có nhiều ý kiến phản đối mạnh mẽ việc cho khối tư nhân – dù đó là các nhóm kinh doanh hay các nhóm xã hội dân sự – tham gia vào trong WTO.

Những nỗ lực lớn hơn để đảm bảo tính minh bạch không nhất thiết phải liên quan đến bản thân tổ chức WTO. Một lựa chọn khác có thể xem xét đến là việc thành lập một tổ chức lợi ích công quốc tế hoạt động như một diễn đàn nhằm tìm hiểu các khía cạnh kỹ thuật (kinh tế, khoa học) và xã hội của các vấn đề gây tranh cãi cụ thể hoặc các lĩnh vực hành động được đề xuất trong WTO (Hoekman và Mavroidis, 2000). Nếu tổ chức này được thành lập độc lập với WTO, các tổ chức phi chính phủ có thể tham gia trực tiếp. Một cơ quan minh bạch có thể giúp tăng tính công khai và xây dựng tính đồng thuận bằng việc xác định liệu các chính sách có ảnh hưởng lan tỏa qua biên giới hay không, cũng như quy mô của chúng, các tác động kinh tế và môi trường, bao gồm tác động đến việc phân phối thu nhập trong nội bộ quốc gia và giữa các quốc gia, và liệu có giải pháp thay thế nào có thể đạt được các mục tiêu quản lý và xã hội một cách hiệu quả hay không. Một cơ quan như vậy có thể được sử dụng như một cơ chế khám phá qua đó có thể hiểu rõ hơn về tác động của các chính sách quốc gia đối với các cử tri và các bên liên quan, trong và giữa các nền kinh tế. Nó có thể có một vai trò mang tính xây dựng như

một tiêu điểm trong việc tìm hiểu những điều được và mất của các chính sách đa phương trong các lĩnh vực mới, và một diễn đàn để phân tích các tác động kinh tế và phát triển của các biện pháp chính sách cụ thể đã được thi hành hoặc đang được đề xuất. Một cơ quan như vậy cũng có thể là một diễn đàn để xác định cơ sở khoa học – hoặc việc thiếu sót cơ sở khoa học – của các chính sách điều tiết trong các lĩnh vực nhạy cảm (công nghệ sinh học, sản phẩm biến đổi gen). Những chính sách như vậy đang nhanh chóng trở thành nguồn gốc cho sự căng thẳng và tranh luận, và các quốc gia đang phát triển nói riêng có thể có lợi từ một diễn đàn trung lập và khách quan trong đó các chính sách và vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật được phân tích.

Yêu cầu đối với (giá trị của) một cơ chế như vậy được thể hiện qua một số những cuộc tranh luận lớn đã được phân xử. Như đã đề cập ở Chương 6, một kết quả quan trọng của vụ kiện bông là nó đã làm rõ rằng Hoa Kỳ đã trợ giá cho ngành sản xuất bông nhiều tới mức nào. Những 'khám phá' như vậy yêu cầu nguồn lực và việc phân tích chi tiết – nếu không, sẽ không thể biết được ai đang làm gì cho ai. Nói ngắn gọn, một cơ quan minh bạch có thể giúp đảm bảo việc xem xét đến khía cạnh phát triển của các quy định hiện tại và đang được đề xuất. Về nguyên tắc, đó có thể là sự hợp tác công tư, bao gồm các hiệp hội công nghiệp, các nhóm chuyên gia, các tổ chức phi chính phủ trong các thành viên, với một phần đóng góp tài chính từ các tổ chức công. Điều quan trọng là nó có đủ nguồn lực để thực hiện công việc một cách có chất lượng, và độc lập với chính phủ cũng như Ban Thư Ký WTO. Tính độc lập và riêng biệt sẽ làm giảm đến mức tối đa việc buổi thảo luận và phân tích bị ảnh hưởng bởi các cân nhắc đàm phán chiến lược và bởi các vấn đề quan tâm cụ thể của từng quốc gia thành viên. Sự quan tâm tới các vấn đề cụ thể của từng quốc gia thành viên đã có lịch sử lâu dài trong việc hạn chế năng lực của Ban Thư Ký WTO trong việc đánh giá tác động của chính sách quốc gia. Ví dụ mới nhất của ảnh hưởng mang tính hạn chế này là những sáng kiến minh bạch hoá đối với các thoả thuận thương mại khu vực được thảo luận tại Chương 10 – vốn bị hạn chế trở thành một tài liệu trình bày thực tế đơn thuần của các thoả thuận thương mại ưu đãi.

14.4. Tính nhất quán của các chính sách quốc gia

Tính 'nhất quán' của các chính sách được theo đuổi bởi các tổ chức kinh tế là một trong những chủ đề trong chương trình nghị sự của nhóm thảo luận về Chức năng của Hệ thống GATT (FOGS) thuộc vòng đàm phán Uruguay, Khung 14.3. Đảm bảo tính nhất quán với các tổ chức Bretton Woods (Quỹ tiền tệ quốc tế IMF và Ngân

hàng Thế giới WB) là một trong năm chức năng cụ thể của WTO (Điều III:5). Lý do căn bản cho việc này là các quốc gia có thể sử dụng chính sách kinh tế vĩ mô và tỉ giá hối đoái để tạo áp lực cho việc bảo hộ và bù đắp lại tác động của tự do hoá thương mại.

Khung 14.3. Nhóm đàm phán FOGS thuộc Vòng đàm phán Uruguay

Việc khởi động vòng đàm phán Uruguay vào năm 1986 bao gồm việc thành lập một nhóm thảo luận về Chức năng của hệ thống GATT (FOGS). Mục tiêu căn bản của nhóm này là nhằm củng cố hệ thống thương mại thông qua việc giám sát các chính sách thương mại, tăng cường tính hiệu quả và việc ra quyết định của các tổ chức, tăng sự đóng góp của GATT vào tính nhất quán của các chính sách kinh tế toàn cầu. Sự giám sát tốt hơn đã được ủng hộ mạnh mẽ bởi một nhóm người có năng lực (Báo cáo Leutwiler – GATT, 1985). Khi đó, không có một mô hình tương tự như các cuộc tham vấn được quy định tại Điều IV giữa IMF với các thành viên, các bản ghi nhớ kinh tế quốc gia được chuẩn bị bởi Ngân hàng Thế giới, các khảo sát kinh tế quốc gia được phát hành bởi OECD. Một động cơ cho việc thành lập nhóm FOGS bao gồm những bất cân bằng kinh tế vĩ mô lớn nổi lên từ những năm 1980 và khủng hoảng nợ ở các nước đang phát triển. Hai việc này đã tạo ra áp lực cần bảo hộ và trong cả hai tình huống các rào cản thương mại đều gây cản trở cho việc điều chỉnh (trong cả hai tình huống đều bằng việc hạn chế những cơ hội tăng trưởng xuất khẩu của các nước có mức nợ cao).

Nhóm FOGS đồng ý thành lập Cơ chế Rà soát Chính sách Thương mại (TPRM), nhưng có ít tiến bộ hơn trong hai vấn đề khác. Nhóm này đã thảo luận một vài lĩnh vực trong đó các chính sách vĩ mô và chính sách kinh tế mâu thuẫn, và cho thấy những bất đồng nghiêm trọng về các vấn đề kinh tế (ví dụ như, Hoa Kỳ không đồng ý với EU rằng sự biến động tỉ giá hối đoái có tác động phá hoại đến thương mại). Trong quá trình chuẩn bị cho hội nghị bộ trưởng giữa kỳ năm 1988 tại Montreal, mọi thứ trở nên rõ ràng rằng người ta có thể làm được rất ít để xây dựng tính nhất quán trên diện rộng hơn. Cuối cùng, kết quả duy nhất liên quan đến tính nhất quán của các thảo luận FOGS là tuyên bố của các bộ trưởng về đóng góp của WTO trong việc Đạt được Tính nhất quán cao hơn trong Quá trình Xây dựng Chính sách Kinh tế Toàn cầu. Quyết định này đã hướng WTO đến việc 'theo đuổi và phát triển quan hệ hợp tác' với các tổ chức Bretton Woods và kêu gọi Tổng Giám đốc xem xét với những người đứng đầu của IMF và WB về những trách nhiệm của WTO trong việc hợp tác và những hình thức hợp tác có thể có' (GATT, 1994a:442). Thêm vào đó, sự hợp tác với các tổ chức Bretton Woods được xác định là một trong năm chức năng cụ thể của WTO (Điều III:5 WTO)

Nguồn: Croome (1999)

Tính nhất quán là gì đã không được định nghĩa rõ ràng trong tuyên bố của Vòng đàm phán Uruguay. Điều đáng nói là khái niệm này sẽ không hề có ý nghĩa nếu nó tập trung vào nhóm chủ thể sai. Các tổ chức quốc tế đại diện cho lợi ích của những người sở hữu chúng – các quốc gia thành viên. Việc đảm bảo những nguyên tắc cơ bản của các tổ chức này là 'nhất quán' là tùy thuộc vào ban quản lý của chúng. Việc

này không phải nhằm để phủ nhận rằng những hành động và tư vấn chính sách đôi khi chồng chéo và mâu thuẫn. Giải quyết vấn đề đầu tiên cần có sự liên lạc thường xuyên và hợp tác giữa nhân viên của các tổ chức. Vấn đề sau đôi khi cũng không phải là vấn đề vì việc xác định những ưu tiên và biện pháp chính sách để theo đuổi mục tiêu quốc gia là trách nhiệm của các chính phủ.

Những vấn đề quan trọng của tính 'không nhất quán' nảy sinh trước tiên ở cấp độ quốc gia. Giả sử như các chính phủ cầm quyền có trách nhiệm phải đưa ra các chính sách kinh tế, xã hội và các chính sách khác để đạt được các mục tiêu của cử tri (xã hội), việc xây dựng các gói chính sách để có thể làm được việc đó là tùy thuộc vào các chính phủ. Nếu không, họ sẽ phải đối mặt với hậu quả trong kỳ bầu cử tiếp theo. Rõ ràng là trong nhiều trường hợp các chính sách quốc gia 'không nhất quán' có thể có những hiệu ứng lan toả theo nghĩa dẫn đến những tác động làm suy yếu việc đạt được một mục tiêu cụ thể. Vì vậy, rào cản thương mại hạn chế xuất khẩu của các nước đang phát triển có thể giúp cho các ngành công nghiệp trong nước, nhưng nó lại vô hiệu hoá những hỗ trợ phát triển của các cơ quan phát triển và các tổ chức phi chính phủ. Tính không nhất quán theo cách này là một hình thái tự nhiên của thế giới, vì những nhóm khác nhau trong xã hội sẽ có những lợi ích và mục tiêu khác nhau, và có quan điểm khác nhau về các chính sách được sử dụng trong các tình huống cụ thể (Winters, 2007). Sự thiếu nhất quán là một ví dụ khác về nhu cầu thông tin và phân tích chính sách, và là một vấn đề trong đó các tổ chức phi chính phủ có thể có tiềm năng đóng vai trò mang tính xây dựng. Trên thực tế, các tổ chức phi chính phủ thường bỏ qua những ảnh hưởng mang tính tiêu cực của các chính sách thương mại và công nghiệp lên việc đạt được mục tiêu của họ.

Sự nhấn mạnh đến Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế trong điều khoản về tính nhất quán của WTO không có nghĩa rằng các nhà lập chính sách không nhận ra rằng vấn đề nhất quán nói chung là một vấn đề mang tính quốc gia. Winters (2000) dự đoán rằng các bộ trưởng thương mại, thông qua nguyên tắc nhất quán, hy vọng sẽ có thể kỷ luật được các hoạt động gây ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại của các bộ trưởng khác— như các chính sách kinh tế vĩ mô dẫn đến việc tỷ giá hối đoái tăng. Một cách giải thích khác là cộng đồng thương mại (Các bộ trưởng thương mại) nỗ lực tạo ra cơ chế khiến các bộ tài chính, phát triển và kế hoạch ở các nước OECD và các nước đang phát triển phân bổ tài nguyên để thực hiện các nguyên tắc WTO. Winters (2007) đã nhắc lại những phân tích của mình về nhu cầu và tính khả thi của điều khoản nhất quán, và kết luận rằng trong vòng đàm phán Doha, sẽ có tiến bộ trong việc nhận ra tầm quan trọng của việc đàm phán và tự do

hoá thương mại với các hình thức hợp tác khác, nhưng cũng kết luận rằng sẽ đạt được ít tiến bộ cụ thể (xem Chương 12)

Hướng đến tính nhất quán quốc gia lớn hơn

Chính sách thương mại ảnh hưởng đến cả nền kinh tế: vì vậy các quyết định chính sách nên được xây dựng trong bối cảnh không chỉ xem xét đến lợi ích của các nhóm khác nhau có khả năng liên quan, mà cả tính hiệu quả của bộ chính sách được theo đuổi bởi chính phủ. Điều này sẽ không thể làm được trừ khi có những nỗ lực thực sự để xây dựng cơ cấu tổ chức trong đó trọng tâm phải là cả nền kinh tế. Trong bối cảnh lập pháp, tính nhất quán của các chính sách quốc gia sẽ một phần phụ thuộc vào việc các dân biểu được lựa chọn như thế nào. Nếu họ đại diện cho các khu vực địa lý khác nhau, người ta sẽ tiến hành vận động hành lang để ảnh hưởng đến đại biểu của mình, những người mà ngược lại sẽ tìm kiếm sự ủng hộ của các đại biểu khác. Việc bỏ phiếu cho nhau có thể dẫn tới không chỉ là những kết quả mang tính bảo hộ, mà còn cả những tình huống trong đó các chính sách sẽ mâu thuẫn nhau.

Nhiều cơ quan chính phủ có liên quan đến chính sách thương mại đặc biệt là khi mà nội dung thương mại mở rộng tới lĩnh vực dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư và quy định chính sách. Các bộ thương mại có xu hướng đại diện cho quốc gia của mình trong đàm phán thương mại, nhưng cũng thường xuyên cần hợp tác với các bộ khác, bao gồm từ bộ tài chính và ngoại giao tới các bộ chuyên ngành (vận tải, viễn thông, v.v..) và các cơ quan quản lý (vệ sinh dịch tễ, cơ quan quản lý sáng chế, vv..). Vì vậy, trong cả quá trình xây dựng và thi hành chính sách cần có sự hợp tác và hiểu biết chung về mục tiêu của chính phủ và ảnh hưởng của các thoả thuận thương mại tới chính sách quốc gia. Nhiều quốc gia đã thành lập các hội đồng quốc gia để tham vấn và trao đổi với công dân và các nhóm lợi ích cụ thể, cũng như các cơ quan liên bộ để thúc đẩy việc trao đổi thông tin và hợp tác liên chính phủ.

Một mục tiêu cơ bản của việc xây dựng các chính sách thương mại nên là để đảm bảo các nhóm bị ảnh hưởng có thể thể hiện quan điểm của họ và tham gia vào quá trình hoạch định chính sách trong khi vẫn có thể quản lý được việc vận động hành lang trong quá trình xây dựng chính sách. Điều này là khó đạt được, và tùy thuộc vào điều kiện riêng của từng quốc gia. Tuy nhiên, có một số nguyên tắc chung phổ biến hiện nay. Giả sử thuế thương mại không phải là một công cụ cần thiết tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, các thực tiễn tốt cũng nên được xây dựng dựa trên nhận thức rằng chính sách thương mại là một công cụ tái phân phối

không hiệu quả. Khi đó yêu cầu đầu tiên sẽ là chi phí ròng của nền kinh tế cần được dự trù trước và quản lý sau khi ban hành, và phạm vi ảnh hưởng của bất kỳ loại thuế ngầm nào cũng cần được xác định.

Một cách để có thể làm được việc này là có một cơ quan pháp định xác định tác động của chính sách thương mại đối với nền kinh tế, cả về tính hiệu quả (chi phí nguồn) và tính công bằng (tái phân phối thu nhập). Một cơ quan như vậy cần có chức năng giúp nâng cao minh bạch: tư vấn cho chính phủ về tác động và phạm vi ảnh hưởng của lập trường chính sách thương mại và đầu tư, cũng như tính nhất quán của lập trường chính sách thương mại với các mục tiêu chính thức trong các lĩnh vực khác – ví dụ như hỗ trợ phát triển. Những cơ quan như vậy nên chỉ nên có vai trò mang tính tư vấn đối với chính phủ: nhiệm vụ là cung cấp thông tin. Những cơ quan như vậy đã được xây dựng ở nhiều quốc gia (Spriggs, 1991). Nhiều đề xuất về việc thành lập những cơ quan này đã được khởi nguồn từ Ủy ban Hỗ trợ Công nghiệp Úc, hiện là Ủy ban Năng suất (về lịch sử của cơ quan này, xem Rattigan 1986).

Tính nhất quán trong chính sách thương mại không thể được đề cập đến một cách riêng lẻ. Thực chất, nguyên nhân cho việc sử dụng các chính sách thương mại có thể là vì không có những biện pháp chính sách hữu hiệu hơn. Như đã thảo luận tại Chương 12, chính sách hỗ trợ phát triển (hỗ trợ thương mại) là một lĩnh vực trong đó đang có những nỗ lực hướng đến sự nhất quán lớn hơn. Việc cho các nước đang phát triển các khoản hỗ trợ tài chính trong khi mặt khác lại hạn chế xuất khẩu của họ là một ví dụ cho chính sách 'không nhất quán' – theo cách hiểu rằng các chính sách này mâu thuẫn với nhau. Chính phủ một số nước OECD đã nhận ra đây là vấn đề. Ví dụ như chính phủ Thụy Điển nhấn mạnh tầm quan trọng của tính nhất quán, lưu ý rằng nhiều biện pháp chính sách khác có thể có hiệu quả trong việc giảm đói nghèo hơn là các công cụ liên quan đến hợp tác phát triển (www.sweden.gov.se/sb/d/3102)

14.5. Kết luận

Điều kiện cần thiết cho tính sở hữu của xã hội dân sự đối với WTO trong các nước thành viên là việc họ cần nhận thức rằng hợp tác đa phương là nhằm giúp đạt được các mục tiêu quốc gia (và không mâu thuẫn với việc đạt được các mục tiêu mà họ quan tâm sâu sắc). Các doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ đều có vai trò nhất định trong việc tìm cách gây ảnh hưởng tới các chính sách nội bộ quốc gia cũng như các luật chơi đa phương. Điều kiện tiên quyết cho việc tham gia có tính xây dựng là sự hiểu biết sâu sắc hơn của các tổ chức phi chính và xã hội dân sự về

những gì WTO làm, không làm, những gì WTO có thể làm và những gì không nên yêu cầu WTO làm. Việc nay đòi hỏi sự trung thực về mặt tri thức và nỗ lực thiện chí trong việc xác định và sử dụng các biện pháp chính sách hiệu quả để theo đuổi mục tiêu.

Tính chính danh và nhất quán bắt đầu từ nội bộ quốc gia. Điều quan trọng là xã hội có thể lên tiếng trong quá trình các chính sách được đàm phán ở WTO bằng việc đảm bảo các cơ chế cho phép họ thể hiện quan điểm tới chính phủ. Những quan điểm như vậy có thể được tập hợp lại và bày tỏ trực tiếp tại các cuộc họp của WTO, sử dụng truyền thông và mạng internet như những phương tiện khuếch tán. Đây là một lựa chọn mà các tổ chức phi chính phủ đã theo đuổi một cách hiệu quả từ cuối những năm 1990 và 2000, thu hút sự chú ý của quốc tế đối với những quan điểm của họ. Nhưng việc biến sự chú ý này thành những thay đổi về mặt chính sách đòi hỏi sự can dự tích cực với chính phủ các quốc gia thành viên WTO, và sự sẵn sàng cân nhắc tầm quan trọng và tác động về chi phí và lợi ích của các lựa chọn chính sách thay thế được đề xuất nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể.

Một số những quan điểm được bày tỏ bởi cộng đồng NGO liên quan tới WTO trong thập niên vừa qua là có ích. Rất nhiều trong số đó là không. So sánh với hầu hết các tổ chức quốc tế, WTO không có vấn đề 'thâm hụt dân chủ' nghiêm trọng. Nguyên tắc đồng thuận đảm bảo mỗi thành viên đều có tiếng nói, và các nhóm quốc gia có cùng mục đích có thể ngăn chặn những nỗ lực phát triển theo hướng mà họ phản đối. Cần thiết phải cải thiện chức năng của WTO, nhưng điều này không yêu cầu sự thay đổi lớn về mặt cấu trúc trong quản lý tổ chức. WTO đóng vai trò quan trọng trong việc khiến cho các tổ chức phi chính phủ cần có nhiều hơn các biện pháp hiệu quả để theo đuổi mục tiêu phi kinh tế của họ. Thực tế là khi khoanh vùng phạm vi sử dụng các biện pháp hạn chế thương mại như một biện pháp song phương để vượt qua các tiêu chuẩn xã hội và môi trường cụ thể, điều đó sẽ có ích cho phúc lợi thế giới nói chung. Cùng lúc đó, các tổ chức phi chính phủ (và giới doanh nghiệp) có thể đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng xã hội dân sự sẽ nhìn nhận giá trị của WTO. Tối đa hoá thông tin hai chiều sẽ chỉ mang lại lợi ích. Điều này sẽ giúp xác định các vấn đề 'nhất quán' trong chính sách quốc gia và quốc tế, và tăng cường trách nhiệm giải trình của các chính phủ. Việc tăng cường tiếp cận thông tin trong các buổi họp định kỳ của WTO, bao gồm việc đăng tải thường xuyên thông tin về chương trình nghị sự cũng như kết quả đàm phán, cũng sẽ mang lại lợi ích. Sự minh bạch hơn và việc phân tích khách quan các vấn đề và đề xuất là một điều kiện tiên quyết trong việc xây dựng chính sách, và các tổ chức phi chính phủ có vai trò quan trọng trong việc này.

14.6. Tài liệu tham khảo

J. Scholte et al., 'The World Trade Organization and Civil Society', trong *Trade Politics: International, Domestic and Regional Perspectives* (London: Routledge, 2004) của Brian Hocking và Steven McGuire (đồng chủ biên) và D. Esty, 'Non-governmental Organizations at the World Trade Organization: Cooperation, Competition, or Exclusion', trong *Journal of International Economic Law* 1, (1998), bàn về mối quan hệ ban đầu của WTO với xã hội dân sự. Để tìm hiểu thêm về phân tích toàn diện về ảnh hưởng của các tổ chức phi chính phủ đối với sự hình thành và áp dụng luật quốc tế, xem P. Kohona, 'The Role of Non-state Entities in the Making and Implementation of International Norms,' *The Journal of World Investment* 2 (3) (2001): 537-78.

Về sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong WTO, xem F. Roessler, 'The Institutional Balance between the Judicial and Political Organs of the WTO,' trong M. Bronckers và R. Quick (chủ biên), *New Directions in International Economic Law: Essays in Honor of John H. Jackson*, (Boston: Kluwer Law International, 2001): Michelle Ratton Sanchez, 'Brief of Observation of the Mechanisms for NGO Participation in the WTO,' *International Journal on Human Rights*, 3 (4) (2006): 103-25, và Silvia Ostry 'Civil Society: Consultation in Negotiations and Implementation of Trade Liberalization and Integrated Agreements: An Overview of the Issue' (mimeo, 2003) (có thể xem tại www.iadb.org). Steve Charnovitz và J. Wickham, 'Non-governmental Organizations and the Original International Trade Regime', *Journal of World Trade*, 29 (1995) 111-22, bàn về vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong việc phác thảo Hiến chương ITO.

Richard Blackhurst và David Hartridge, 'Improving the Capacity of WTO Institutions to Fulfill Their Mandate,' trong E.-U. Petersmann (chủ biên), *Reforming the World Trading System: Legitimacy, Efficiency và Democratic Governance* (Oxford: Oxford University Press, 2005) bàn về các hướng tiếp cận nhằm cải thiện việc quản lý của WTO. Gregory Shaffer, 'Parliamentary Oversight of WTO Rule-Making: The Political, Normative, and Practical Contexts,' *Journal of International Economic Law*, 7 (3) (2004) cung cấp một sự phân tích tổng quát về trường hợp và các lựa chọn cho việc tăng cường sự tham gia của các dân biểu trong WTO. Peter Pedersen, 'The WTO Decision-making Process and Internal Transparency,' *World Trade Review*, 5 (2006): 103-31, tổng hợp những sự phát triển xảy ra trong WTO nhằm tăng cường tính minh bạch nội bộ sau hội nghị bộ trưởng Seattle.

Khái quát về vấn đề vận động chính sách trong việc xây dựng chính sách thương mại từ quan điểm của một nhà vận động hành lang được giới thiệu trong M. Kostecki 'Business Advocacy in the Global Trading System: How Business Organizations May Shape Trade Policy' (Geneva: International Trade Centre, 2005). Valentin Zahrt, 'Domestic Constituents and the Formulation of WTO Negotiating Positions: What the Delegates Say,' *World Trade Review*, 7 (2) (2008): 393-421, báo cáo về một cuộc khảo sát trong các đại biểu WTO về tác động của các nhóm lợi ích quốc gia đối với quá trình đàm phán. Một trong những trang web tốt nhất của tổ chức phi chính phủ về WTO và các vấn đề chính sách thương mại là của International Centre for Trade and Sustainable Development (www.ictsd.org), cung cấp đường link tới các tổ chức phi chính phủ lớn, và đăng tải trang tin hữu ích Bridges.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
